

**PHỤ LỤC**  
**QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐƯỢC CHỦ TỊCH UBND ỦY QUYỀN CHO GIÁM ĐỐC SỞ**  
**NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG GIẢI QUYẾT**

*(ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)*

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
<b>I. LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT</b>					
<b>1. Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật - Mã TTHC TTHC: 1.003971 (Một phần)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc	1.000.000 đồng/lần	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	2,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC (Trường hợp hồ sơ)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
	<i>cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>				
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>05 ngày làm việc</b>		
<b>2. Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón - Mã TTHC TTHC 1.007929 (Một phần)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	04 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0, 5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>07 ngày làm việc</b>		
<b>3. Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu - Mã TTHC TTHC 1.003395 (Một phần)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,1 ngày làm việc	Không	

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,2 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	01 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,2 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>02 ngày làm việc</b>		

**4. Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng). Mã TTHC: 1.007999 (Toàn trình)**

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	6 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
	chức, cá nhân				
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>10 ngày làm việc</b>		
<b>5. Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại. Mã TTHC: 1.007994 (Toàn trình)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt duyệt kết quả giải quyết TTHC (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung,	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2,5 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
	<i>không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>				
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0.5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>10 ngày làm việc</b>		
<b>6. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón- Mã TTHC TTHC 1.007927 (Một phần)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (trừ cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón): 6.000.000 đồng/01 cơ sở/lần. Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	15 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3,5 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
	TTHC (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)			hoạt động đóng gói phân bón: 3.000.000 đồng/01 cơ sở/lần	
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>20 ngày làm việc</b>		
<b>7. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón- Mã TTHC TTHC 1.007928 (Một phần)</b> <i>Trường hợp 1: Thay đổi về địa điểm sản xuất phân bón; thay đổi về loại phân bón, dạng phân bón, công suất sản xuất trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân)</i>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (trừ cơ sở chỉ hoạt động đóng	

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
				gói phân bón): 2.500.000 đồng//01 cơ sở/lần	
Bước 2	Chuyên xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	15 ngày làm việc		
Bước 4	Trình lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết TTHC (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3,5 ngày làm việc	Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón, đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón: 1.200.000 đồng/01 cơ sở/lần.	
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>20 ngày làm việc</b>		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
<i>Trường hợp 2: trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).</i>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc	Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (trừ cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón): 2.500.000 đồng/01 cơ sở/lần Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón, đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón: 1.200.000 đồng/01 cơ sở/lần.	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	2,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
	chức, cá nhân				
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>05 ngày làm việc</b>		
<b>8. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật - Mã TTHC TTHC: 2.001427 (Một phần)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	01 ngày làm việc	6.000.000 đồng/lần	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	01 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	20 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC (Trường hợp hồ sơ cần bổ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
	<i>sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>				
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	01 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>25 ngày làm việc</b>		
<b>9. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật - Mã TTHC TTHC: 1.002560 (Một phần)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	01 ngày làm việc	6.000.000 đồng/ lần	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	01 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	20 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
	quả giải quyết TTHC (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)				
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	01 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>25 ngày làm việc</b>		
<b>10. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật - Mã TTHC 1.004363 (Toàn trình)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận 800.000 đồng/01 cơ sở/lần	

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	8,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở	05 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>15 ngày làm việc</b>		
<b>11. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật - Mã TTHC 1.004346 (Toàn trình)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	Phí thẩm định cấp giấy chứng	

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
	tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)			nhận 800.000 đồng/01 cơ sở/lần.	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	8,5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở	05 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>15 ngày làm việc</b>		
<b>12. Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật - Mã TTTC TTTC: 2.001236 (Một phần)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	2.000.000 đồng/lần	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	01 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	10 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTTC (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	04 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>16 ngày làm việc</b>		
<b>13. Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón - Mã TTHC TTHC: 1.007926 (Một phần)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	01 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	16 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
	<i>điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>				
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>20 ngày làm việc</b>		
<b>14. Cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng. Mã số thủ tục: 1.007998 (Một phần)</b>					
<b>14.1 Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0.5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0.5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	16 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt kết quả giải	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2,5 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
	quyết TTHC (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)				
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết (kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</b>			<b>20 ngày làm việc</b>		
<b>14.2 Cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	3 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết (kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</b>			<b>05 ngày làm việc</b>		
<b>15. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. Mã TTHC: 1.012072 (Một phần)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	Không	

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
	chính công ích)				
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	3,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết (kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</b>			<b>06 ngày làm việc</b>		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
<b>16. Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng. Mã TTHC: 1.012071 (Một phần)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	3,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết (kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</b>			<b>06 ngày làm việc</b>		
<b>17. Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. Mã TTHC: 1.012073 (Một phần)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	3,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung,	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
	<i>không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>				
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết (kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</b>			<b>06 ngày làm việc</b>		
<b>18. Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc. Mã số TTHC: 1.012070 (Một phần)</b>					
<i>18.1 Trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ nhằm mục đích công cộng, phi thương mại, phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh, an ninh lương thực và dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, ô nhiễm môi trường trên diện rộng</i>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	9 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết (kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</b>			<b>12 ngày làm việc</b>		
<i>18.2. Trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ cho người có nhu cầu và năng lực sử dụng giống cây trồng không đạt được thoả thuận với người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng về việc ký kết hợp đồng sử dụng giống cây trồng mặc dù trong 12 tháng (trừ trường hợp bất khả kháng) đã cố gắng thương lượng với mức giá và các điều kiện thương mại thoả đáng và người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng bị coi là thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh</i>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	Không	

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
	tuyển, bưu chính công ích)				
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	27 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết (kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</b>			<b>30 ngày làm việc</b>		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
<b>19. Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. Mã TTHC: 1.012063 (Một phần)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	15 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
	chức, cá nhân				
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết (kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</b>			<b>18 ngày làm việc</b>		
<b>20. Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. Mã TTHC: 1.012064 (Một phần)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	04 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
	<i>giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>				
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết (kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</b>			<b>06 ngày làm việc</b>		
<b>21. Cấp giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. Mã TTHC: 1.012062 (Một phần)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	10 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC (Trường)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
	<i>hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>				
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết (kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</b>			<b>13 ngày làm việc</b>		
<b>22. Đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng. Mã TTHC: 1.011998 (Một phần)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	7 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết (kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</b>			<b>10 ngày làm việc</b>		
<b>23. Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính - Mã TTHC TTHC: 1.008003 (Một phần)</b>					
<b>23.1. Trường hợp 1: Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng:</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	Cấp Quyết định: 1.400.000 đồng/bộ hồ sơ	

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
	tuyển, bui chính công ích)			Theo quy định tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022, Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	17 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>20 ngày làm việc</b>		
<b>23.2 Phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng</b>					

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	2,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>05 ngày làm việc</b>		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
<b>II. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM THỦY SẢN</b>					
<b>1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản - Mã số TTHC: 2.001827 (Một phần)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	700,000 đồng/cơ sở	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Chi cục Phát triển nông thôn, Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	1. Chuyên viên các phòng chuyên môn thuộc Chi cục phát triển nông thôn: - Phòng Trồng trọt - Phòng Quản lý chất lượng 2. Chuyên viên các phòng chuyên môn thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản: - Phòng Chăn nuôi - Phòng Thú y - Phòng Thủy sản	12 ngày		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Bước 4	Chuyển ký duyệt	Lãnh đạo phụ trách: Chi cục Phát triển nông thôn, Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày		
Bước 5	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		
Bước 6	Chuyển kết quả giải quyết TTHC	Văn thư Sở	0,5 ngày		
Bước 7	Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			15 ngày		
<b>2. Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Mã số TTHC: 2.001730 (Toàn trình)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Phí thẩm định và chứng nhận mậu dịch tự do (FSC), giấy chứng nhận sản phẩm thuốc (CPP), các giấy chứng nhận thuốc thú y để	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Chi cục Phát triển nông thôn, Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Bước 3	Xử lý hồ sơ	<p>1. Chuyên viên các phòng chuyên môn thuộc Chi cục phát triển nông thôn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng Trồng trọt</li> <li>- Phòng Quản lý chất lượng</li> </ul> <p>2. Chuyên viên các phòng chuyên môn thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng Chăn nuôi</li> <li>- Phòng Thú y</li> <li>- Phòng Thủy sản</li> </ul>	1,5 ngày làm việc	xuất khẩu: 180.000 đồng/01 loại thuốc. Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận thức ăn chăn nuôi lưu hành tự do tại Việt Nam: 350.000 đồng/01 sản phẩm/lần.	
Bước 4	Chuyển ký duyệt	Lãnh đạo phụ trách: Chi cục Phát triển nông thôn, Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 5	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Bước 6	Chuyển kết quả giải quyết TTHC	Văn thư Sở	0,25 ngày làm việc		
Bước 7	Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Tổng cộng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		
<b>3. Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Mã số TTHC: 2.001726 (Toàn trình)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không quy định.	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Chi cục Phát triển nông thôn, Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	1. Chuyên viên các phòng chuyên môn thuộc Chi cục phát triển nông thôn: - Phòng Trồng trọt - Phòng Quản lý chất lượng 2. Chuyên viên các phòng chuyên môn thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản: - Phòng Chăn nuôi - Phòng Thú y - Phòng Thủy sản	1,5 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển ký duyệt	Lãnh đạo phụ trách: Chi cục Phát triển nông thôn, Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Bước 5	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Bước 6	Chuyển kết quả giải quyết TTHC	Văn thư Sở	0,25 ngày làm việc		
Bước 7	Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>03 ngày làm việc</b>		
<b>III. Lĩnh vực thủy sản</b>					
<b>1. Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản. Mã thủ tục: 1.004943 – (Một phần)</b>					
<i>a. Đối với trường hợp phê duyệt đề cương khảo nghiệm, đồng thời cấp phép nhập khẩu giống thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu)</i>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyên xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thủy sản	4,5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>8 ngày làm việc</b>		
<b><i>b. Đối với trường hợp ban hành quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản</i></b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
	chính công ích)				
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thủy sản	4,5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>8 ngày làm việc</b>		
<b>2. Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá, thuê tàu cá trần. Mã thủ tục: 1.004929 (Toàn trình)</b>					

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	Không	
Bước 2	Chuyên xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thủy sản	3,5 ngày		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2 ngày		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Tổng cộng thời gian giải quyết			07 ngày		
<b>3. Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản. Mã thủ tục: 1.004683 (Một phần)</b>					
<b>a. Trường hợp thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện khảo nghiệm và phê duyệt đề cương khảo nghiệm</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyên xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thủy sản	8,5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>12 ngày làm việc</b>		
<b>b.Trường hợp công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyên xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thủy sản	4,5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
	<i>bản thông báo cụ thể</i>				
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>08 ngày làm việc</b>		
<b>4. Công bố mở cảng cá loại I. Mã TTHC: 1.004694. (Một phần)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thủy sản	04 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện</i>	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
	<i>giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>				
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>06 ngày làm việc</b>		

#### IV. Lĩnh vực chăn nuôi

##### 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. Mã TTHC: 1.011031 (Một phần)

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	17,5 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
	quyết TTHC				
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>20 ngày làm việc</b>		
<b>2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. Mã TTHC: 1.011032 (Một phần)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	1,75 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>03 ngày làm việc</b>		
<b>3. Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Mã TTHC: 1.008122 (Toàn trình)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	350.000 đồng/01 sản phẩm/mục đích/lần	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	8 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>10 ngày làm việc</b>		
<b>4. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi Mã TTHC 1.008126 (Một phần)</b>					
<b>- Đối với cơ sở sản xuất thức ăn bổ sung; cơ sở sản xuất đồng thời thức ăn bổ sung và thức ăn chăn nuôi khác nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng và cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng (trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu phải đánh giá điều kiện thực tế để cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế): 5.700.000 đồng/01 cơ sở/lần	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	01 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	22 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>25 ngày làm việc</b>		
<b>- Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế: 1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần).	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	8 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
	chức, cá nhân		làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>10 ngày làm việc</b>		
<b>5. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi. Mã TTHC 1.008127 (Toàn trình)</b>					
- Đối với cơ sở sản xuất thức ăn bổ sung; cơ sở sản xuất đồng thời thức ăn bổ sung và thức ăn chăn nuôi khác; cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo đề nghị của bên nhập khẩu					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	250.000 đ/01 cơ sở/lần	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	03 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
	chức, cá nhân		làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>05 ngày làm việc</b>		
<b>V. Lĩnh vực thủy lợi</b>					
<b>1. Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 1.004427- (Toàn trình)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm hành chính công tỉnh. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a>	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	1 ngày làm việc		
Bước 3	Thẩm định	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	12 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>15 ngày làm việc</b>		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
<b>2. Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 2.001796- (trực tuyến Toàn trình)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm hành chính công tỉnh. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a>	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	1 ngày làm việc		
Bước 3	Thẩm định	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	7 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>10 ngày làm việc</b>		
<b>3. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bản, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 2.001426- (Toàn trình)</b>					

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm hành chính công tỉnh. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a>	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	1 ngày làm việc		
Bước 3	Thẩm định	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	7 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>10 ngày làm việc</b>		
<b>4. Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 2.001795 – (Toàn trình)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm hành chính công tỉnh. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a>	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	1 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Bước 3	Thẩm định	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	7 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>10 ngày làm việc</b>		
<b>5. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 1.003870 – (Toàn trình)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm hành chính công tỉnh. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a>	0,25 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Thẩm định	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	5,5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC	0,25 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>7 ngày làm việc</b>		
<b>6. Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 1.003893 – (Toàn trình)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm hành chính công tỉnh. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a>	0,25 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Thẩm định	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	1,5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC	0,25 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>3 ngày làm việc</b>		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
<b>7. Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 2.001793 – (Toàn trình)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm hành chính công tỉnh. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a>	0,25 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Thẩm định	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	5,5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC	0,25 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>7 ngày làm việc</b>		
<b>8. Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 1.004385 – (Toàn trình)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm hành chính công tỉnh.	0,25 ngày làm việc	Không	

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
		- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a>			
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Thẩm định	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	5,5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC	0,25 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>7 ngày làm việc</b>		
<b>9. Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 2.001791 – (Toàn trình)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm hành chính công tỉnh. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a>	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	1 ngày làm việc		
Bước 3	Thẩm định	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	7 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>10 ngày làm việc</b>		
<b>10. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 1.003880 – (Toàn trình)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm hành chính công tỉnh. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a>	0,25 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Thẩm định	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	5,5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC	0,25 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>7 ngày làm việc</b>		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
<b>11. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 2.001401 – (Toàn trình)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm hành chính công tỉnh. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a>	0,25 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Thẩm định	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	1,5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC	0,25 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>3 ngày làm việc</b>		
<b>12. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 1.003211 – (Toàn trình)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm hành chính công tỉnh.	0,5 ngày làm việc	Không	

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
		- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a>			
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	1 ngày làm việc		
Bước 3	Thẩm định	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	17 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>20 ngày làm việc</b>		
<b>13. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 1.003203 – (Toàn trình)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm hành chính công tỉnh. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a>	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	1 ngày làm việc		
Bước 3	Thẩm định	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	17 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>20 ngày làm việc</b>		
<b>14. Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 1.014847 – (Toàn trình)</b>					
<i>Thủ tục này thay thế Thủ tục: Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã 1.003188 đã được chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền tại Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 07/4/2026</i>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm hành chính công tỉnh. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a>	0,5 ngày làm việc		
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	1 ngày làm việc	Không	
Bước 3	Thẩm định	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	19 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC	0,5 ngày làm việc		

Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>22 ngày làm việc</b>		
<b>15. Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt. Mã thủ tục: 1.003867 – (Toàn trình)</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm hành chính công tỉnh. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a>	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	1 ngày làm việc		
Bước 3	Thẩm định	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	17 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>20 ngày làm việc</b>		
<b>16. Phê duyệt phương án, cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt. Mã thủ tục: 2.001804 – (Toàn trình)</b>					

<b>Bước thực hiện</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Phí, lệ phí</b>	<b>Ghi chú</b>
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm hành chính công tỉnh. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a>	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	1 ngày làm việc		
Bước 3	Thẩm định	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	15 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường tại TTPVHCC	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>18 ngày làm việc</b>		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
<b>VI. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG</b>						
<b>1. Cấp giấy phép môi trường. Mã thủ tục: 1.010727 – (Một phần)</b>						
<b>a) Trường hợp dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải - theo quy định tại khoản 8 Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT): 15 ngày</b>						
<b>a1) Lưu đồ thẩm định, cấp giấy phép môi trường: 15 ngày</b>						
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến toàn trình khi có yêu cầu của Chủ dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	<b>Dự án, cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định:</b> - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (không quy định tối đa số lượng thành viên), có thực hiện khảo sát thực tế: 14.600.000 đồng - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (không quy định tối đa số lượng thành viên), có thực hiện khảo sát thực tế: 7.300.000 đồng - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (không quy định tối đa số lượng thành viên), không thực hiện khảo sát thực tế: 5.300.000 đồng - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành	<b>Dự án, cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định:</b> - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (không quy định tối đa số lượng thành viên), có thực hiện khảo sát thực tế: 7.300.000 đồng - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (không quy định tối đa số lượng thành viên), không thực hiện khảo sát thực tế: 5.300.000 đồng - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành	- Số hoá hồ sơ - Chuyển hồ sơ về PMT
Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày			
Bước 3	Kiểm tra thẩm định hồ sơ ban đầu; lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức chuyên môn; công khai thông tin (nếu hồ sơ đủ điều kiện) (*)	Phòng Môi trường	03 ngày			
Bước 4	- Chờ ý kiến các cơ quan, tổ chức chuyên môn (**)	- Phòng Môi trường - Bộ phận tiếp nhận và	-			- Tạm ngừng xử lý (tối đa 03 ngày đối với cơ quan và 10 ngày đối

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
	- Tiếp nhận ý kiến các cơ quan, chuyên môn và chuyên Phòng Môi trường	trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường		viên), không thực hiện khảo sát thực tế: 10.600.000 đồng - Dự án đầu tư/Cơ sở	lập Hội đồng thẩm định (có quy định tối đa 05 thành viên), không thực hiện khảo sát thực tế: 3.950.000 đồng	với tổ chức chuyên môn (**) - Tiếp tục xử lý
Bước 5	- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện → dự thảo văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 6 - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: + Thông báo phí thẩm định + Tổ chức họp thẩm định + Tổng hợp hồ sơ, tài liệu, ý kiến thẩm định. + Trên cơ sở kết quả thẩm định: (1) Dự thảo Giấy phép môi trường (nếu kết quả thẩm định đồng ý thông qua không cần chỉnh sửa) hoặc (2) dự thảo văn bản đề nghị chỉnh sửa (nếu kết quả thẩm định thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung) hoặc (3) dự thảo văn bản trả hồ sơ (nếu kết quả thẩm định không thông qua)	- Phòng Môi trường	09 ngày	được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (có quy định tối đa 05 thành viên), không thực hiện khảo sát thực tế: 7.900.000 đồng  <b>Dự án, cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Đoàn kiểm tra</b> (mức phí này chưa bao gồm chi phí lấy và phân tích mẫu chất thải): 12.550.000 đồng	<b>Dự án, cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Đoàn kiểm tra</b> (mức phí này chưa bao gồm chi phí lấy và phân tích mẫu chất thải): 6.275.000 đồng	- Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định (thời hạn tối đa 12 tháng quy định tại Khoản 6 Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT) - Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung, chỉnh sửa là 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
Bước 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký giấy phép Môi trường</li> <li>- Công khai giấy phép môi trường</li> <li>- Ký văn bản đề nghị chỉnh sửa, bổ sung hoặc văn bản trả hồ sơ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãnh đạo Sở</li> <li>- Trung tâm công nghệ thông tin Sở</li> </ul>	02 ngày			Số hoá Giấy phép môi trường (Văn phòng Sở)
Bước 7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC</li> <li>- Chuyển hồ sơ (nếu hồ sơ được thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc không thông qua) đến Trung tâm Phục vụ HCC</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng Môi trường</li> <li>- Văn phòng</li> <li>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường</li> </ul>	0,5 ngày			
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>15 ngày</b>			
<b><i>a2) Lưu đồ xử lý sau khi chỉnh sửa, bổ sung (theo quy định tại khoản 9 Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT): 05 ngày</i></b>						
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	Không quy định		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung của Chủ Đầu tư.</li> </ul>

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
						- Số hoá hồ sơ; Chuyển hồ sơ về PMT
Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày			
Bước 3	Rà soát hồ sơ theo kết quả thẩm định: - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa đạt: dự thảo Giấy phép môi trường. - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa không đạt: dự thảo văn bản trả yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa.	Phòng Môi trường	03 ngày			
Bước 4	- Ký giấy phép Môi trường - Công khai giấy phép môi trường - Ký văn bản trả, thực hiện tiếp bước 5	- Lãnh đạo Sở - Trung tâm công nghệ thông tin Sở	1,25 ngày			Số hoá Giấy phép môi trường (Văn phòng Sở)
Bước 5	- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC - Chuyển hồ sơ không đạt đến Trung tâm Phục vụ HCC	- Phòng Môi trường - Văn phòng - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,25 ngày			

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
		Sở Nông nghiệp và Môi trường				
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>05 ngày</b>			
<b>b) Trường hợp đối với trường hợp dự án/cơ sở còn lại - theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT): 30 ngày</b>						
<b>b1) Lưu đồ thẩm định, cấp giấy phép môi trường: 30 ngày</b>						
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	<b>Dự án, cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định:</b> - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (không quy định tối đa số lượng thành viên), có thực hiện khảo sát thực tế: 14.600.000 đồng - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (không quy định tối đa số lượng thành viên), có thực hiện khảo sát thực tế: 5.300.000 đồng	<b>Dự án, cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định:</b> - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (không quy định tối đa số lượng thành viên), có thực hiện khảo sát thực tế: 7.300.000 đồng - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (không quy định tối đa số lượng thành viên), không thực hiện khảo sát thực tế: 5.300.000 đồng	- Số hoá hồ sơ - Chuyển hồ sơ về PMT
Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày			
Bước 3	Kiểm tra thẩm định hồ sơ ban đầu; lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức chuyên môn; công khai thông tin (nếu hồ sơ đủ điều kiện) (*)	Phòng Môi trường	07 ngày			
Bước 4	- Chờ ý kiến các cơ quan, tổ chức chuyên môn (**)	- Phòng Môi trường	-			- Tạm ngừng xử lý (tối đa 03 ngày đối với cơ

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
	- Tiếp nhận ý kiến các cơ quan, tổ chức chuyên môn và chuyên Phòng Môi trường	- Trung tâm Phục vụ HCC		định (không quy định tối đa số lượng thành viên), không thực hiện khảo sát thực tế: 10.600.000 đồng	- Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (có quy định tối đa 05 thành viên), không thực hiện khảo sát thực tế: 3.950.000 đồng	quan và 10 ngày đối với tổ chức chuyên môn) (**) - Tiếp tục xử lý
Bước 5	<p>- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện → dự thảo văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 6</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện:</p> <p>+ Thông báo phí thẩm định</p> <p>+ Thành lập HĐTĐ hoặc đoàn kiểm tra</p> <p>+ Tổ chức họp HĐTĐ hoặc kiểm tra thực tế</p> <p>+ Tổng hợp hồ sơ, tài liệu, ý kiến thẩm định.</p> <p>+ Trên cơ sở kết quả thẩm định hoặc kiểm tra:</p> <p>(1) Trường hợp chưa đủ điều kiện: kết quả không thông qua hoặc thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung → dự thảo văn bản gửi Chủ dự án/cơ sở (tiếp tục thực hiện bước 6 và bước 9)</p>	Phòng Môi trường	11 ngày	<p>- Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (có quy định tối đa 05 thành viên), không thực hiện khảo sát thực tế: 7.900.000 đồng</p> <p><b>Dự án, cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Đoàn kiểm tra</b> (mức phí này chưa bao gồm chi phí lấy và phân tích mẫu chất thải): 12.550.000 đồng</p>	<p><b>Dự án, cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Đoàn kiểm tra</b> (mức phí này chưa bao gồm chi phí lấy và phân tích mẫu chất thải): 6.275.000 đồng</p>	<p>- Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định (thời hạn tối đa 12 tháng quy định tại Khoản 6 Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT)</p> <p>- Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung, chỉnh sửa là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
	(2) Trường hợp đủ điều kiện: kết quả thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung → tiếp tục thực hiện bước 7, bước 8 và bước 9.					
Bước 6	Ký văn bản đề nghị chỉnh sửa hoặc văn bản trả hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1,5 ngày			
Bước 7	Dự thảo Giấy phép môi trường	Phòng Môi trường	7,5 ngày			
Bước 8	- Ký Giấy phép môi trường - Công khai giấy phép môi trường	- Lãnh đạo Sở - Trung tâm công nghệ thông tin Sở	02 ngày			Số hoá Giấy phép môi trường (Văn phòng Sở)
Bước 9	- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC - Chuyển hồ sơ (nếu hồ sơ được thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc không thông qua) đến Trung tâm Phục vụ HCC	- Phòng Môi trường - Văn phòng - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày			
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>30 ngày</b>			

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
<i>b2) Lưu đồ xử lý sau khi chỉnh sửa, bổ sung (theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT): 10 ngày</i>						
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	Không quy định		- Văn bản giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung của Chủ Đầu tư. - Số hoá hồ sơ - Chuyển hồ sơ về PMT
Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày			
Bước 3	Rà soát hồ sơ theo kết quả thẩm định, kiểm tra: - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa đạt: dự thảo Giấy phép môi trường - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa không đạt: dự thảo văn bản yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa.	Phòng Môi trường	7,5 ngày			
Bước 4	- Ký giấy phép Môi trường - Công khai giấy phép môi trường - Ký văn bản đề nghị chỉnh sửa hoặc văn bản trả hồ sơ.	- Lãnh đạo Sở - Trung tâm công nghệ thông tin Sở	1,5 ngày			Số hoá Giấy phép môi trường (Văn phòng Sở)

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
Bước 5	- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC - Chuyển hồ sơ không đạt đến Trung tâm Phục vụ HCC	- Phòng Môi trường - Văn phòng - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày			
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>10 ngày</b>			
<p><b>Ghi chú:</b></p> <p>(*) Trường hợp dự án không phải lấy ý các cơ quan, tổ chức chuyên môn (theo quy định tại khoản 8, 9, 10 Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026), thì không thực hiện việc lấy ý kiến.</p> <p>(**) Thời gian tối đa để các cơ quan có ý kiến là 03 ngày và tổ chức chuyên môn có ý kiến là 10 ngày (theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026).</p> <p>Hồ sơ được tiếp nhận phải là hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.</p> <p><b>HĐTĐ:</b> hội đồng thẩm định; <b>VB:</b> văn bản; <b>TĐ:</b> thẩm định; <b>HS:</b> hồ sơ; <b>Trung tâm Phục vụ phục vụ HCC:</b> Trung tâm Phục vụ phục vụ hành chính công tỉnh, <b>PMT:</b> Phòng Môi trường; <b>UBND Tỉnh:</b> Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p>						
<p><b>2. Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường. Mã thủ tục: 1.010729 - Toàn trình (theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 09//2026/TT-BNNMT): 15 ngày</b></p>						
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông	0,25 ngày		0 đồng	- Số hoá hồ sơ - Chuyển hồ sơ về PMT

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
		ngành và Môi trường				
Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày			
Bước 3	Kiểm tra thẩm định hồ sơ ban đầu; lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức chuyên môn; công khai thông tin (nếu hồ sơ đủ điều kiện) (*)	Phòng Môi trường	01 ngày			
Bước 4	- Chờ ý kiến các cơ quan, tổ chức chuyên môn. - Tiếp nhận ý kiến các cơ quan, tổ chức chuyên môn và chuyển Phòng Môi trường	- Phòng Môi trường - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	-			- Tạm ngừng xử lý (tối đa 03 ngày đối với cơ quan và 10 ngày đối với tổ chức chuyên môn) (**) - Tiếp tục xử lý
Bước 5	- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện → dự thảo văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 7 - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: + Tổng hợp ý kiến các cơ quan, tổ chức chuyên môn	Phòng Môi trường	11,5 ngày			

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tiến hành các hoạt động hỗ trợ thẩm định</li> <li>+ Tổng hợp hồ sơ, tài liệu, ý kiến thẩm định</li> <li>+ Trên cơ sở kết quả thẩm định: (1) Dự thảo Giấy phép môi trường (nếu kết quả thẩm định đồng ý thông qua) hoặc (2) dự thảo văn bản trả hồ sơ (nếu kết quả thẩm định không đạt)</li> </ul>					
Bước 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký giấy phép Môi trường</li> <li>- Công khai giấy phép môi trường</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãnh đạo Sở</li> <li>- Trung tâm công nghệ thông tin Sở</li> </ul>	1,5 ngày			Số hoá Giấy phép môi trường (Văn phòng Sở)
Bước 7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC</li> <li>- Chuyển hồ sơ (nếu hồ sơ được thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc không thông qua) đến Trung tâm Phục vụ HCC</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng Môi trường</li> <li>- Văn phòng</li> <li>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường</li> </ul>	0,5 ngày			

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>15 ngày</b>			
<p><b>Ghi chú:</b></p> <p>(*) Trường hợp dự án không phải lấy ý các cơ quan, tổ chức chuyên môn (theo quy định tại khoản 8, 9, 10 Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026), thì không thực hiện việc lấy ý kiến.</p> <p>(**) Thời gian tối đa để các cơ quan có ý kiến là 03 ngày và tổ chức chuyên môn có ý kiến là 10 ngày (theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026).</p> <p>Hồ sơ được tiếp nhận phải là hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.</p> <p><b>HĐTĐ:</b> hội đồng thẩm định; <b>VB:</b> văn bản; <b>TĐ:</b> thẩm định; <b>HS:</b> hồ sơ; <b>Trung tâm Phục vụ phục vụ HCC:</b> Trung tâm Phục vụ phục vụ hành chính công tỉnh, <b>PMT:</b> Phòng Môi trường; <b>UBND Tỉnh:</b> Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.</p>						
<b>3. Cấp lại giấy phép môi trường. Mã thủ tục: 1.010730 - Một phần (theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 09/2026/TT-BNNM)</b>						
<i>a1) Lưu đồ thẩm định, cấp phép môi trường: 30 ngày</i>						
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	<b>Dự án, cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định:</b> - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm	<b>Dự án, cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định:</b> - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (không quy định tối đa số lượng thành	- Số hoá hồ sơ - Chuyển hồ sơ về PMT
Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày	định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm	định tối đa số lượng thành	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
Bước 3	Kiểm tra thẩm định hồ sơ ban đầu; lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức chuyên môn; công khai thông tin (nếu hồ sơ đủ điều kiện) (*)	Phòng Môi trường	07 ngày	định (không quy định tối đa số lượng thành viên), có thực hiện khảo sát thực tế: 14.600.000 đồng	viên), có thực hiện khảo sát thực tế: 7.300.000 đồng - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (không quy định tối đa số lượng thành viên), không thực hiện khảo sát thực tế: 5.300.000 đồng	
Bước 4	- Chờ ý kiến các cơ quan, tổ chức chuyên môn. - Tiếp nhận ý kiến các cơ quan, tổ chức chuyên môn. và chuyên Phòng Môi trường	- Phòng Môi trường - Trung tâm Phục vụ HCC. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường.	-	- Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (không quy định tối đa số lượng thành viên), không thực hiện khảo sát thực tế: 10.600.000 đồng - Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (có quy định tối đa 05 thành viên), không thực hiện khảo sát thực tế: 3.950.000 đồng	- Dự án đầu tư/Cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Hội đồng thẩm định (có quy định tối đa 05 thành viên), không thực hiện khảo sát thực tế: 3.950.000 đồng <b>Dự án, cơ sở được thẩm định thông qua hình thức thành lập Đoàn kiểm tra</b> (mức phí này chưa bao gồm chi phí lấy và phân tích mẫu chất thải): 6.275.000 đồng	- Tạm ngừng xử lý (tối đa 03 ngày đối với cơ quan và 10 ngày đối với tổ chức chuyên môn) (**) - Tiếp tục xử lý
Bước 5	- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện → dự thảo văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 6 - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: + Thông báo phí thẩm định + Thành lập HĐĐTĐ hoặc đoàn kiểm tra	Phòng Môi trường	11 ngày	không thực hiện khảo sát thực tế: 7.900.000 đồng <b>Dự án, cơ sở được thẩm định thông qua</b>		- Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định (thời hạn tối đa 12 tháng quy định tại Khoản 6 Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT) - Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung,

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú	
				Trực tiếp	Trực tuyến		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tổ chức họp HĐTD hoặc kiểm tra thực tế</li> <li>+ Tổng hợp hồ sơ, tài liệu, ý kiến thẩm định.</li> <li>+ Trên cơ sở kết quả thẩm định hoặc kiểm tra:</li> </ul> <p>(1) Trường hợp chưa đủ điều kiện: kết quả không thông qua hoặc thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung → dự thảo văn bản gửi Chủ dự án/cơ sở (tiếp tục thực hiện bước 6 và bước 9)</p> <p>(2) Trường hợp đủ điều kiện: kết quả thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung → tiếp tục thực hiện bước 7, bước 8 và bước 9.</p>			<b>hình thức thành lập Đoàn kiểm tra</b> (mức phí này chưa bao gồm chi phí lấy và phân tích mẫu chất thải): 12.550.000 đồng		chỉnh sửa là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
Bước 6	Ký văn bản đề nghị chỉnh sửa hoặc văn bản trả hồ sơ	Lãnh đạo Sở	1,5 ngày				
Bước 7	Dự thảo Giấy phép môi trường	Phòng Môi trường	7,5 ngày				
Bước 8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký Giấy phép môi trường</li> <li>- Công khai giấy phép môi trường</li> </ul>	- Lãnh đạo Sở	02 ngày				Số hoá Giấy phép môi trường (Văn phòng Sở)

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
		- Trung tâm công nghệ thông tin Sở				
Bước 9	- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC - Chuyển hồ sơ (nếu hồ sơ được thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc không thông qua) đến Trung tâm Phục vụ HCC	- Phòng Môi trường - Văn phòng - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày			
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>30 ngày</b>			
<i>b2) Lưu đồ xử lý sau khi chỉnh sửa bổ sung (theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT): 10 ngày</i>						
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	Không quy định		- Văn bản giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung của Chủ Đầu tư. - Số hoá hồ sơ - Chuyển hồ sơ về PMT
Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày			

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
Bước 3	Rà soát hồ sơ theo kết quả thẩm định, kiểm tra - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa đạt: Dự thảo Giấy phép môi trường - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa không đạt: dự thảo văn bản trả yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa	Phòng Môi trường	7,5 ngày			
Bước 4	- Ký Giấy phép môi trường - Công khai giấy phép môi trường	- Lãnh đạo Sở - Trung tâm công nghệ thông tin Sở	1,5 ngày			
Bước 5	- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC - Chuyển hồ sơ (nếu hồ sơ được thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc không thông qua) đến Trung tâm Phục vụ HCC	- Phòng Môi trường - Văn phòng - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày			
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>10 ngày</b>			

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
<b>Ghi chú:</b>						
(*) Trường hợp dự án không phải lấy ý các cơ quan, tổ chức chuyên môn (theo quy định tại khoản 8, 9, 10 Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026), thì không thực hiện việc lấy ý kiến.						
(**) Thời gian tối đa để các cơ quan có ý kiến là 03 ngày và tổ chức chuyên môn có ý kiến là 10 ngày (theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 10 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026).						
Hồ sơ được tiếp nhận phải là hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.						
<b>HĐTD:</b> hội đồng thẩm định; <b>VB:</b> văn bản; <b>TD:</b> thẩm định; <b>HS:</b> hồ sơ; <b>Trung tâm Phục vụ phục vụ HCC:</b> Trung tâm Phục vụ phục vụ hành chính công tỉnh, <b>PMT:</b> Phòng Môi trường; <b>UBND Tỉnh:</b> Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.						
<b>4. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Mã thủ tục: 1.010733 – (Một phần)</b>						
<b>a) Trường hợp 1 (đối với các dự án đầu tư Nhóm I - theo quy định tại Khoản 3 Điều 28 của Luật BVMT và Điều 4 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT): 45 ngày</b>						
<b>a1) Lưu đồ thẩm định hồ sơ - theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT): 30 ngày</b>						
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	- <b>Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thực hiện thẩm định thông qua hình thức họp hội đồng.</b>	- <b>Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thực hiện thẩm định thông qua hình thức họp hội đồng.</b>	- Số hoá hồ sơ - Chuyển hồ sơ về PMT
Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày	<b>Nhóm 1.</b> Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.250.000 đồng	Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 6.000.000 đồng	
Bước 3	Kiểm tra thẩm định hồ sơ ban đầu:	Phòng Môi trường	27 ngày			

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện → dự thảo văn bản trả hồ sơ</li> <li>- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thông báo phí; công khai thông tin</li> <li>+ Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định</li> <li>+ Lấy ý kiến các cơ quan có liên quan</li> <li>+ Tiến hành hoạt động hỗ trợ thẩm định</li> <li>+ Tổng hợp ý kiến thẩm định</li> <li>+ Họp hội đồng</li> <li>+ Trên cơ sở kết quả thẩm định: (1) dự thảo văn bản đề nghị chỉnh sửa (nếu kết quả thẩm định thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung) hoặc (2) dự thảo văn bản trả hồ sơ (nếu kết quả thẩm định không thông qua)</li> </ul> </li> </ul>			<p>Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.500.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 12.000.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.000.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ: 17.000.000 đồng</p> <p><b>Nhóm 2.</b> Dự án công trình dân dụng:</p> <p>Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 6.900.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 8.500.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 15.000.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 16.000.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ: 25.000.000 đồng</p> <p><b>Nhóm 3.</b> Dự án hạ tầng kỹ thuật:</p>	<p>Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 7.000.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ: 8.500.000 đồng</p> <p><b>Nhóm 2.</b> Dự án công trình dân dụng:</p> <p>Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.450.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.250.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 7.500.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 8.000.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ: 12.500.000 đồng</p> <p><b>Nhóm 3.</b> Dự án hạ tầng kỹ thuật:</p> <p>Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.750.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.750.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 8.500.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 9.000.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ: 12.500.000 đồng</p> <p><b>Nhóm 4.</b> Dự án nông nghiệp,</p>	
Bước 4	Ký Văn bản đề nghị chỉnh sửa hoặc văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 4	Lãnh đạo Sở	02 ngày			

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
Bước 5	- Chuyển hồ sơ (nếu hồ sơ được thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc không thông qua) đến Trung tâm phục vụ HCC	Phòng Môi trường	0,5 ngày	<p>Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 7.500.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 9.500.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 17.000.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 18.000.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ: 25.000.000 đồng</p> <p><b>Nhóm 4.</b> Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:            Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 10.000.000 đồng            Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 11.700.000 đồng            Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 19.200.000 đồng            Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 20.200.000 đồng            Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ: 26.000.000 đồng</p>	<p>lâm nghiệp, thủy sản:            Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.000.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 5.8500.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 9.600.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 10.100.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ: 13.000.000 đồng</p> <p><b>Nhóm 5.</b> Dự án giao thông:            Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 4.050.000 đồng            Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 5.000.000 đồng            Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 9.000.000 đồng            Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 10.000.000 đồng            Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ: 12.500.000 đồng</p> <p><b>Nhóm 6.</b> Dự án công nghiệp:            Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 4.200.000 đồng            Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 5.250.000 đồng            Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 9.500.000 đồng</p>	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				<p><b>Nhóm 5.</b> Dự án giao thông:  Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 8.100.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 10.000.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 18.000.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 20.000.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ: 25.000.000 đồng</p> <p><b>Nhóm 6.</b> Dự án công nghiệp:  Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 8.400.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 10.500.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 19.000.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 20.000.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 500</p>	<p>Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 10.000.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ: 13.000.000 đồng</p> <p><b>Nhóm 7.</b> Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2,3,4,5,6):  Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.500.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.000.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 5.400.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 6.000.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ: 7.800.000 đồng</p> <p><i>- Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thực hiện thẩm định thông qua hình thức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan.</i></p> <p><b>Nhóm 1.</b> Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường:  Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 1.750.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 2.300.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤</p>	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				tỷ: 26.000.000 đồng <b>Nhóm 7.</b> Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2,3,4,5,6): Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 10.800.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 12.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 15.600.000 đồng <b>- Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thực hiện thẩm định thông qua hình thức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan.</b> <b>Nhóm 1.</b> Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường: Tổng vốn đầu tư ≤ 50	tỷ: 2.700.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 4.900.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 5.950.000 đồng <b>Nhóm 2.</b> Dự án công trình dân dụng: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.450.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 5.250.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 5.600.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 8.750.000 đồng <b>Nhóm 3.</b> Dự án hạ tầng kỹ thuật: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.650.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.350.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 5.950.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 6.300.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 8.750.000 đồng <b>Nhóm 4.</b> Dự án nông nghiệp,	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				tỷ: 3.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.600.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 8.400.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 9.800.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 11.900.000 đồng <b>Nhóm 2.</b> Dự án công trình dân dụng: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 4.900.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 10.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 11.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 17.500.000 đồng <b>Nhóm 3.</b> Dự án hạ tầng kỹ thuật:	lâm nghiệp, thủy sản: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.100.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 6.750.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 7.100.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 9.100.000 đồng <b>Nhóm 5.</b> Dự án giao thông: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.850.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 6.300.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 7.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 8.750.000 đồng <b>Nhóm 6.</b> Dự án công nghiệp: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.950.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.700.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 6.500.000 đồng	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				<p>Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.300.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.700.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 11.900.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 12.600.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ: 17.500.000 đồng</p> <p><b>Nhóm 4.</b> Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:</p> <p>Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 7.000.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 8.200.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 13.500.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.200.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ: 18.200.000 đồng</p>	<p>Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 7.000.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ: 9.100.000 đồng</p> <p><b>Nhóm 7.</b> Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2,3,4,5,6):</p> <p>Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 1.750.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 2.100.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 3.800.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 4.200.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ: 5.500.000 đồng</p>	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				<p><b>Nhóm 5.</b> Dự án giao thông:</p> <p>Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.700.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 7.000.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 12.600.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.000.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ: 17.500.000 đồng</p> <p><b>Nhóm 6.</b> Dự án công nghiệp:</p> <p>Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.900.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 7.400.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 13.300.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.000.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 500</p>		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				tỷ: 18.200.000 đồng <b>Nhóm 7.</b> Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2,3,4,5,6): Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 7.600.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 8.400.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 11.000.000 đồng		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>30 ngày</b>			
<i>a2) Lưu đồ phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường - theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT): 15 ngày</i>						
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	Không quy định		- Văn bản giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung của Chủ Đầu tư. - Số hoá hồ sơ

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
						- Chuyển hồ sơ về PMT
Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày			
Bước 3	Rà soát hồ sơ theo kết quả thẩm định - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa đạt: dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM. - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa không đạt: dự thảo văn bản trả yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa	Phòng Môi trường	12,5 ngày			
Bước 4	- Ký Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM; - Công khai Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM và Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định. - Ký văn bản đề nghị chỉnh sửa, bổ sung hoặc văn bản trả hồ sơ.	- Lãnh đạo Sở - Trung tâm công nghệ thông tin	1,5 ngày			Số hoá Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM (Văn phòng Sở)
Bước 5	- Nhận Quyết định và trả Trung tâm Phục vụ HCC - Chuyển hồ sơ không đạt đến Trung tâm Phục vụ HCC	- Phòng Môi trường - Văn phòng	0,5 ngày			

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
		- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường				
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>15 ngày</b>			
<b>b) Trường hợp đối với các dự án đầu tư Nhóm II - theo quy định tại điểm c, d, đ, e Khoản 4 Điều 28 của Luật BVMT và điểm b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT): 35 ngày</b>						
<b>b1) Lưu đồ thẩm định hồ sơ - theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT): 20 ngày</b>						
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	- <b>Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thực hiện thẩm định thông qua hình thức họp hội đồng.</b>	- <b>Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thực hiện thẩm định thông qua hình thức họp hội đồng.</b>	- Số hoá hồ sơ - Chuyển hồ sơ về PMT
Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày	<b>Nhóm 1.</b> Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.500.000 đồng	Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.250.000 đồng	
Bước 3	Kiểm tra thẩm định hồ sơ ban đầu: - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện → dự thảo văn bản trả hồ sơ	Phòng Môi trường	17 ngày	Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.500.000 đồng	Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 6.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 7.000.000 đồng	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện:</li> <li>+ Thông báo phí; công khai thông tin</li> <li>+ Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định</li> <li>+ Lấy ý kiến các cơ quan có liên quan</li> <li>+ Tiến hành hoạt động hỗ trợ thẩm định</li> <li>+ Tổng hợp ý kiến thẩm định</li> <li>+ Họp hội đồng</li> <li>+ Trên cơ sở kết quả thẩm định: (1) dự thảo văn bản đề nghị chỉnh sửa (nếu kết quả thẩm định thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung) hoặc (2) dự thảo văn bản trả hồ sơ (nếu kết quả thẩm định không thông qua)</li> </ul>			<p>Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 12.000.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.000.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ: 17.000.000 đồng</p> <p><b>Nhóm 2.</b> Dự án công trình dân dụng:</p> <p>Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.450.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.250.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 7.500.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 8.000.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ và ≤ 100 tỷ: 8.500.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 15.000.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 16.000.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ: 25.000.000 đồng</p> <p><b>Nhóm 3.</b> Dự án hạ tầng kỹ thuật:</p> <p>Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 7.500.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ:</p>	<p>Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ: 8.500.000 đồng</p> <p><b>Nhóm 2.</b> Dự án công trình dân dụng:</p> <p>Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.450.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.250.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 7.500.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 8.000.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ: 12.500.000 đồng</p> <p><b>Nhóm 3.</b> Dự án hạ tầng kỹ thuật:</p> <p>Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.750.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.750.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 8.500.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 9.000.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ: 12.500.000 đồng</p> <p><b>Nhóm 4.</b> Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:</p> <p>Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.000.000 đồng</p>	
Bước 4	Ký Văn bản đề nghị chỉnh sửa hoặc văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 4	Lãnh đạo Sở	02 ngày			
Bước 5	- Chuyển hồ sơ (nếu hồ sơ được thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc không thông qua)	Phòng Môi trường	0,5 ngày			

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
	qua) đến Trung tâm phục vụ HCC			9.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 17.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 18.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 25.000.000 đồng  <b>Nhóm 4.</b> Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 10.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 11.700.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 19.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 20.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 26.000.000 đồng	Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 5.850.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 9.600.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 10.100.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 13.000.000 đồng <b>Nhóm 5.</b> Dự án giao thông: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 4.050.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 5.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 9.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 10.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 12.500.000 đồng <b>Nhóm 6.</b> Dự án công nghiệp: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 4.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 5.250.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 9.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 10.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ:	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				<p><b>Nhóm 5.</b> Dự án giao thông:  Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 8.100.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 10.000.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 18.000.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 20.000.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ: 25.000.000 đồng</p> <p><b>Nhóm 6.</b> Dự án công nghiệp:  Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 8.400.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 10.500.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 19.000.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 20.000.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 500</p>	<p>13.000.000 đồng  <b>Nhóm 7.</b> Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2,3,4,5,6):  Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.500.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.000.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 5.400.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 6.000.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ: 7.800.000 đồng</p> <p><i>- Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thực hiện thẩm định thông qua hình thức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan.</i></p> <p><b>Nhóm 1.</b> Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường:  Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 1.750.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 2.300.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 2.700.000 đồng  Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 4.900.000 đồng</p>	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				tỷ: 26.000.000 đồng <b>Nhóm 7.</b> Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2,3,4,5,6): Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 10.800.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 12.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 15.600.000 đồng <b>- Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thực hiện thẩm định thông qua hình thức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan.</b> <b>Nhóm 1.</b> Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường: Tổng vốn đầu tư ≤ 50	Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 5.950.000 đồng <b>Nhóm 2.</b> Dự án công trình dân dụng: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.450.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 5.250.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 5.600.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 8.750.000 đồng <b>Nhóm 3.</b> Dự án hạ tầng kỹ thuật: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.650.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.350.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 5.950.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 6.300.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 8.750.000 đồng <b>Nhóm 4.</b> Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.500.000 đồng	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				tỷ: 3.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.600.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 8.400.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 9.800.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 11.900.000 đồng <b>Nhóm 2.</b> Dự án công trình dân dụng: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 4.900.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 10.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 11.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 17.500.000 đồng <b>Nhóm 3.</b> Dự án hạ tầng kỹ thuật:	Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.100.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 6.750.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 7.100.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 9.100.000 đồng <b>Nhóm 5.</b> Dự án giao thông: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.850.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 6.300.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 7.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 8.750.000 đồng <b>Nhóm 6.</b> Dự án công nghiệp: Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.950.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.700.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 6.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 7.000.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ:	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				<p>Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.300.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.700.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 11.900.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 12.600.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ: 17.500.000 đồng</p> <p><b>Nhóm 4.</b> Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:</p> <p>Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 7.000.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 8.200.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 13.500.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.200.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ: 18.200.000 đồng</p>	<p>9.100.000 đồng</p> <p><b>Nhóm 7.</b> Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2,3,4,5,6):</p> <p>Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 1.750.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 2.100.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 3.800.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 4.200.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ: 5.500.000 đồng</p>	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				<p><b>Nhóm 5.</b> Dự án giao thông:</p> <p>Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.700.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 7.000.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 12.600.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.000.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 500 tỷ: 17.500.000 đồng</p> <p><b>Nhóm 6.</b> Dự án công nghiệp:</p> <p>Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.900.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 7.400.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 13.300.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.000.000 đồng</p> <p>Tổng vốn đầu tư &gt; 500</p>		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
				tỷ: 18.200.000 đồng <b>Nhóm 7.</b> Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2,3,4,5,6): Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.500.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.200.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 7.600.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 8.400.000 đồng Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 11.000.000 đồng		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>20 ngày</b>			
<i>b2) Lưu đồ phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường - theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT): 15 ngày</i>						
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	<b>Không quy định</b>		- Văn bản giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung của Chủ Đầu tư. - Số hoá hồ sơ - Chuyển hồ sơ về PMT

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày			
Bước 3	Rà soát hồ sơ theo kết quả thẩm định - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa đạt: dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa không đạt: dự thảo văn bản trả yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa	Phòng Môi trường	12,5 ngày			
Bước 4	- Ký Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM; - Công khai Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM và Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định. - Ký văn bản đề nghị chỉnh sửa, bổ sung hoặc văn bản trả hồ sơ.	- Lãnh đạo Sở - Trung tâm công nghệ thông tin	1,5 ngày			Số hoá Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM (Văn phòng Sở)
Bước 5	- Nhận Quyết định và trả Trung tâm Phục vụ HCC - Chuyển hồ sơ không đạt đến Trung tâm Phục vụ HCC	- Phòng Môi trường - Văn phòng - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,5 ngày			

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)		Ghi chú
				Trực tiếp	Trực tuyến	
		Sở Nông nghiệp và Môi trường				
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>15 ngày</b>			

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI QUAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ , LỆ PHÍ (VNĐ)		GHI CHÚ
				Trực tiếp	Trực tuyến	
<b>5. Thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại Khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) Mã thủ tục: 1.010735 – (Một phần)</b>						
<b>a) Lưu đồ thẩm định hồ sơ - theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP): 20 ngày</b>						
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày			- Số hoá hồ sơ - Chuyển hồ sơ về PMT
Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày			
Bước 3	Kiểm tra thẩm định hồ sơ ban đầu: - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện → dự thảo văn bản trả hồ sơ - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: + Thông báo phí; công khai thông tin + Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định + Lấy ý kiến các cơ quan có liên quan + Tiến hành hoạt động hỗ trợ thẩm định + Tổng hợp ý kiến thẩm định + Họp hội đồng + Trên cơ sở kết quả thẩm định: (1) dự thảo văn bản đề nghị chỉnh sửa (nếu kết quả thẩm định thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ	Phòng Môi trường	17 ngày	- <b>Mức thu phí thẩm định:</b> 1. Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.000.000 đồng 2. Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.000.000 đồng 3. Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 10.800.000 đồng 4. Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 12.000.000 đồng 5. Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 15.600.000 đồng	- <b>Mức thu phí thẩm định:</b> 1. Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 2.500.000 đồng 2. Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 3.000.000 đồng 3. Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 5.400.000 đồng 4. Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 6.000.000 đồng 5. Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 7.800.000 đồng	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ , LỆ PHÍ (VNĐ)		GHI CHÚ
				Trực tiếp	Trực tuyến	
	sung) hoặc (2) dự thảo văn bản trả hồ sơ (nếu kết quả thẩm định không thông qua)					
Bước 4	Ký Văn bản đề nghị chỉnh sửa hoặc văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 4	Lãnh đạo Sở	02 ngày			
Bước 5	Chuyển hồ sơ (nếu hồ sơ được thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc không thông qua) đến Trung tâm phục vụ HCC	Phòng Môi trường	0,5 ngày			
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>20 ngày</b>			
<b><i>.b) Lưu đồ phê duyệt - theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP): 10 ngày</i></b>						
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày	<b>Không quy định</b>	- Văn bản giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung của Chủ Đầu tư. - Số hoá hồ sơ - Chuyển hồ sơ về PMT	
Bước 2	Phân công hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày			
Bước 3	Rà soát hồ sơ theo kết quả thẩm định: - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa đạt: dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản. - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa không đạt: dự thảo văn bản trả yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa	Phòng Môi trường	7,5 ngày			

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ , LỆ PHÍ (VNĐ)		GHI CHÚ
				Trực tiếp	Trực tuyến	
Bước 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.</li> <li>- Công khai Quyết định phê duyệt kết quả kết quả thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.</li> <li>- Ký văn bản đề nghị chỉnh sửa, bổ sung hoặc văn bản trả hồ sơ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãnh đạo Sở</li> <li>- Trung Tâm Công nghệ thông tin</li> </ul>	1,5 ngày			Số hoá Quyết định phê duyệt kết quả kết quả thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (Văn phòng Sở)
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận Quyết định và trả Trung tâm Phục vụ HCC</li> <li>- Hoặc Chuyển hồ sơ không đạt đến Trung tâm Phục vụ HCC</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng Môi trường.</li> <li>- Văn phòng</li> <li>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường</li> </ul>	0,5 ngày			
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>				<b>10 ngày</b>		

BƯỚC THỰC HIỆN	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ) (Mức thu thực hiện theo Nghị Quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai)	GHI CHÚ
<b>IX. Lĩnh vực Tài nguyên nước</b>					
<b>1. Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (trình tự thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 (Điều này được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP). Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 1.004122 – (Một phần) Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 07/04/2026 của UBND tỉnh</b>					
<b>1.1. Trường hợp hồ sơ nộp lần đầu</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	<p><b>- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 4.200.000 đồng.</b></p> <p><b>- Nộp trực tuyến (Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định khi cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho đến hết ngày 31/12/2026): 2.100.000 đồng.</b></p> <p><b>* Đối với trường hợp việc phân loại quy mô hành nghề khoan nước dưới đất thay đổi theo quy định mới tại Nghị định số 23/2026/NĐ-CP, việc thu phí thẩm định được thực hiện theo quy định chuyển tiếp. Trong thời gian HĐND tỉnh chưa ban hành hoặc điều chỉnh Nghị quyết cho phù hợp, đối với hồ sơ phát sinh, tạm thời áp dụng mức thu phí cao nhất trong biểu phí hiện hành đối với thủ tục thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; mức thu này được ghi nhận trong quyết định giải quyết thủ tục hành chính và áp dụng cho đến khi Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung có hiệu lực.</b></p>	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	9,5		

					<i>báo nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và trình phê duyệt văn bản.  Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.  Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 5 ngày làm việc.</i>
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>13 ngày làm việc</b>		
<b>1.2. Trường hợp nộp hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung</b>					
Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở	0,5		

		Nông nghiệp và Môi trường			
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	2,5		- Trường hợp đủ điều kiện cấp phép: <i>Dự thảo kết quả giải quyết TTHC và trình phê duyệt quyết định.</i> - Trường hợp phải tiếp tục bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ: <i>Văn bản yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện.</i>
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>05 ngày làm việc</b>		
<p><b>2. Gia hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (trình tự thủ tục quy định tại khoản 4 Điều 35 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 (Điều này được sửa đổi, bổ sung tại khoản 25 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP).</b></p> <p><b>Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 2.001738 – (Một phần)</b></p> <p><i>Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 07/04/2026 của UBND tỉnh</i></p>					
<b>2.1 Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu</b>					

Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5	<p><b>- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 2.100.000 đồng.</b></p> <p><b>- Nộp trực tuyến</b> (Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định khi cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho đến hết ngày 31/12/2026): 1.050.000 đồng.</p> <p>* Đối với trường hợp việc phân loại quy mô hành nghề khoan nước dưới đất thay đổi theo quy định mới tại Nghị định số 23/2026/NĐ-CP, việc thu phí thẩm định được thực hiện theo quy định chuyển tiếp. Trong thời gian HĐND tỉnh chưa ban hành hoặc điều chỉnh Nghị quyết cho phù hợp, đối với hồ sơ phát sinh, tạm thời áp dụng mức thu phí cao nhất trong biểu phí hiện hành đối với thủ tục thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; mức thu này được ghi nhận trong quyết định giải quyết thủ tục hành chính và áp dụng cho đến khi Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung có hiệu lực.</p>	
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	4		<p>- Trường hợp đủ điều kiện gia hạn giấy phép: Dự thảo kết quả giải quyết TTHC và trình phê duyệt giấy phép.</p> <p>- Trường hợp không đủ điều kiện để gia hạn giấy phép: Dự thảo văn bản thông báo lý do và trình phê duyệt văn bản.</p> <p>- Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ: Dự thảo văn bản thông báo nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và trình phê duyệt văn bản.</p> <p>Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 03 ngày làm việc.</p>

Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>07 ngày làm việc</b>		

## 2.2 Trường hợp nộp hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung

Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25	-	
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		- Trường hợp đủ điều kiện gia hạn giấy phép: <i>Dự thảo kết quả giải quyết TTHC và trình phê duyệt quyết định..</i> - Trường hợp phải tiếp tục bổ sung, chỉnh sửa để hoàn

					thiện hồ sơ: <i>Văn bản yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện.</i>
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,25		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>03 ngày làm việc</b>		
<p><b>3. Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (trình tự thủ tục quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 (Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 26 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP). Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 1.004253 – (Toàn trình) Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 07/04/2026 của UBND tỉnh</b></p>					
Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		Không quy định
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		

Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	3,5		- Trường hợp đủ điều kiện cấp lại giấy phép: Dự thảo kết quả giải quyết TTHC và trình phê duyệt giấy phép. - Trường hợp không đủ điều kiện để cấp lại giấy phép: Dự thảo văn bản thông báo lý do và trình phê duyệt văn bản.
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>06 ngày làm việc</b>		
<p><b>4. Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (trình tự thủ tục quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 (Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 26 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP).</b></p> <p><b>Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 1.012501 – (Toàn trình)</b></p> <p><i>Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 07/04/2026 của UBND tỉnh</i></p>					
Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	Không quy định	

Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	3,5		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp đủ điều kiện trả lại giấy phép: Dự thảo kết quả giải quyết TTHC và trình phê duyệt quyết định.</li> <li>- Trường hợp không đủ điều kiện để trả lại giấy phép: Dự thảo văn bản thông báo lý do và trình phê duyệt văn bản.</li> </ul>
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		

**5. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành hoặc đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền (trình tự thủ tục quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 23/2026/NĐ-CP).**

**Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 1.014716 (Toàn trình)**

*Thủ tục này thay thế thủ tục: Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền; mã 1.012505 (đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 07/04/2026 của UBND tỉnh)*

**\* Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu**

Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	7,5		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp đủ điều kiện phê duyệt quyết định: <i>Dự thảo kết quả giải quyết TTHC và trình phê duyệt quyết định.</i></li> <li>- Trường hợp không đủ điều kiện để giải quyết: <i>Dự thảo văn bản thông báo lý do và trình phê duyệt văn bản.</i></li> <li>- Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ: <i>Dự thảo văn bản thông báo nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và trình phê duyệt văn bản.</i></li> </ul>

					<i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung hoàn chỉnh là 10 ngày làm việc.</i>
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>11 ngày làm việc</b>		
<b>* Trường hợp nộp hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung</b>					
Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và	0,5		

		Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường			
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	7		<p>- Trường hợp đủ điều kiện phê duyệt quyết định: <i>Dự thảo kết quả giải quyết TTHC và trình phê duyệt quyết định.</i></p> <p>- Trường hợp phải tiếp tục bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ: <i>Văn bản yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện.</i></p>
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>10 ngày làm việc</b>		

**6. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành (trình tự thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 (Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 32 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP).**

**Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 2.001770 - (Toàn trình)**

*Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 07/04/2026 của UBND tỉnh*

**6.1. Trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước**

**\* Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu**

Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	Không quy định	<i>Việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được thực hiện đồng thời với việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước</i>
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	25,5		
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>30 ngày làm việc</b>		

**\* Trường hợp nộp hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung**

Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		<i>Việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được thực hiện đồng thời với việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước</i>
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	13,5		
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>18 ngày làm việc</b>		

## **6.2. Trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước**

### **\* Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu**

Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	-	<i>Việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được thực hiện đồng thời với việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước</i>
--------	--	-----------------------	-----	---	---

Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	19,5		
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>24 ngày làm việc</b>		
<b>* Trường hợp nộp hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung</b>					
Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		<i>Việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được thực hiện đồng thời với việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước</i>
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	13,5		

Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>18 ngày làm việc</b>		
<p><b>7. Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (trình tự thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 52 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 (Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 33 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP).</b></p> <p><b>Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 1.004283 – (Toàn trình)</b></p> <p><i>Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 07/04/2026 của UBND tỉnh</i></p> <p><b>7.1. Trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 33 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP</b></p>					
<b>* Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu</b>					
Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	Không quy định	<i>Việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ được thực hiện đồng thời với việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước</i>
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	19,5		

Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>24 ngày làm việc</b>		
<b>* Trường hợp nộp hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung</b>					
Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		<i>Việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ được thực hiện đồng thời với việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước</i>
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	13,5		
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5		

		Trung tâm Phục vụ HCC			
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>18 ngày làm việc</b>		
<b>7.2. Trường hợp theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h, I và k khoản 1 Điều 52 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 33 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP</b>					
<b>* Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu</b>					
Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	7,5		<p>- Trường hợp đủ điều kiện phê duyệt quyết định: Dự thảo kết quả thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt quyết định.</p> <p>- Trường hợp không đủ điều kiện giải quyết: Dự thảo văn bản thông báo lý do và trình phê duyệt văn bản.</p> <p>- Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ: Dự thảo văn bản thông báo nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và trình phê duyệt văn bản.</p> <p>Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung hoàn chỉnh là 07 ngày làm việc.</p>
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2		

Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>11 ngày làm việc</b>		
<b>* Trường hợp nộp hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung</b>					
Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	4		- Trường hợp đủ điều kiện phê duyệt quyết định: Dự thảo kết quả thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt quyết định. - Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ: Dự thảo văn bản thông báo nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và trình phê duyệt văn bản.
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		

<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>		<b>07 ngày làm việc</b>		
<b>8. Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (trình tự thủ tục quy định tại Điều 24 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 (Điều này được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP). Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 1.012500 (Toàn trình) Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 07/04/2026 của UBND tỉnh</b>				
<b>8.1. Trường hợp: hồ sơ nộp lần đầu</b>				
Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	Không quy định
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5	
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	7,5	
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2	
<i>- Trường hợp đủ điều kiện tạm dừng giấy phép: Dự thảo kết quả giải quyết TTHC và trình phê duyệt quyết định. - Trường hợp không đủ điều kiện để tạm dừng giấy phép: Dự thảo văn bản thông báo lý do và trình phê duyệt văn bản. - Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ: Dự thảo văn bản thông báo nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và trình phê duyệt văn bản. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 6 ngày làm việc.</i>				

Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>11 ngày làm việc</b>		
<b>8.2 Trường hợp nộp hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung</b>					
Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	-	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	3,5		- Trường hợp đủ điều kiện tạm dừng giấy phép: <i>Dự thảo kết quả giải quyết TTHC và trình phê duyệt quyết định.</i> - Trường hợp phải tiếp tục bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ: <i>Văn bản yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện.</i>
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5		

		Trung tâm Phục vụ HCC			
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>06 ngày làm việc</b>		
<b>9. Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000m<sup>3</sup>/ngày đêm (trình tự thủ tục quy định tại Điều 22 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 (Điều này được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP)).</b> <b>Mã thủ tục hành chính 1.004232 – (Một phần).</b> <i>Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 07/04/2026 của UBND tỉnh</i>					
<b>9.1. Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu</b>					
Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	<b>- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích:</b> + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m <sup>3</sup> /ngày đêm: <i>1.400.000 đồng.</i>	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5	+ Công trình có quy mô khai thác từ 200 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 1.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: <i>4.300.000 đồng.</i> + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: <i>5.900.000 đồng.</i>	
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	25,5	- Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 5.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: <i>8.700.000 đồng.</i> <b>- Nộp trực tuyến</b> (Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định khi cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho đến hết ngày 31/12/2026):	- Trường hợp đủ điều kiện cấp phép: <i>Dự thảo kết quả thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt giấy phép.</i> - Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép: <i>Dự thảo văn bản thông báo lý do và trình phê duyệt văn bản.</i> - Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo: <i>Dự thảo văn bản thông báo nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo và trình phê duyệt văn bản.</i>

				+ Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 700.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 1.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 2.150.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 2.950.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 5.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 4.350.000 đồng.	<i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</i>
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>30 ngày làm việc</b>		

## **9.2. Trường hợp nộp hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung**

Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		

Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	13,5		- Trường hợp đủ điều kiện cấp phép: <i>Dự thảo kết quả thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt giấy phép.</i> - Trường hợp phải tiếp tục bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo: <i>Văn bản yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện.</i>
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>18 ngày làm việc</b>		

**10. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (trình tự thủ tục quy định tại Điều 23 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 (Điều này được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP). Mã thủ tục hành chính 1.004228 – (Một phần).**

*Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 07/04/2026 của UBND tỉnh.*

**10.1. Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu**

Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	- <b>Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích:</b> + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 700.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 1.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 2.150.000 đồng.
--------	--	-----------------------	-----	---

Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5	+ Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 2.950.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 5.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 4.350.000 đồng.	
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	19,5	- <b>Nộp trực tuyến</b> ( <i>Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định khi cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho đến hết ngày 31/12/2026</i> ): + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 350.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 1.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 1.075.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 1.475.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 5.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 2.175.000 đồng.	- Trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh giấy phép: <i>Dự thảo kết quả thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt giấy phép.</i> - Trường hợp không đủ điều kiện để gia hạn, điều chỉnh giấy phép: <i>Dự thảo văn bản thông báo lý do và trình phê duyệt văn bản.</i> - Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa đề hoàn thiện đề án, báo cáo: <i>Dự thảo văn bản thông báo nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo và trình phê duyệt văn bản.</i> <i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</i>
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		

Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>24 ngày làm việc</b>		
<b>10.2. Trường hợp nộp hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung</b>					
Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5	-	
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	13,5		- Trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh giấy phép: <i>Dự thảo kết quả thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt giấy phép.</i> - Trường hợp phải tiếp tục bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo: <i>Văn bản yêu</i>

					<i>câu tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện.</i>
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>18 ngày làm việc</b>		
<b>11. Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000m<sup>3</sup>/ngày đêm (trình tự thủ tục quy định tại Điều 22 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 (Điều này được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP)).</b> <b>Mã thủ tục hành chính 1.004223 – (Một phần).</b> <i>Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 07/04/2026 của UBND tỉnh.</i>					
<b>11.1. Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu</b>					
Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	<b>(1) Trường hợp thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất</b> <b>- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích:</b> + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 1.400.000 đồng.	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở	0,5	+ Công trình có quy mô khai thác từ 200 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 1.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 4.700.000 đồng.	

		Nông nghiệp và Môi trường		<p>+ Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 5.900.000 đồng.</p> <p>- Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 8.700.000 đồng.</p> <p>- <b>Nộp trực tuyến</b> (Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định khi cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho đến hết ngày 31/12/2026)</p> <p>+ Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 700.000 đồng.</p> <p>+ Công trình có quy mô khai thác từ 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 2.350.000 đồng.</p> <p>+ Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 2.950.000 đồng.</p> <p>- Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 4.350.000 đồng.</p> <p><b>(2) Trường hợp thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất</b></p> <p>- <b>Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích:</b></p> <p>+ Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.400.000 đồng.</p> <p>+ Công trình có quy mô khai thác từ 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 4.300.000 đồng.</p>	
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	<p>Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi</p> <p>- Sở Nông nghiệp và Môi trường</p>	25,5	<p>+ Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 5.900.000 đồng.</p>	<p>- Trường hợp đủ điều kiện cấp phép: Dự thảo kết quả thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt giấy phép.</p> <p>- Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép: Dự thảo văn bản thông báo lý do và trình phê duyệt văn bản.</p> <p>- Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo: Dự thảo văn bản thông báo nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo và trình phê duyệt văn bản.</p> <p>Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</p>
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3	<p>+ Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 5.900.000 đồng.</p>	

Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 8.700.000 đồng.</li> <li>- <b>Nộp trực tuyến</b> (Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định khi cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho đến hết ngày 31/12/2026): <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 700.000 đồng.</li> <li>+ Công trình có quy mô khai thác từ 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 2.150.000 đồng.</li> <li>+ Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 2.950.000 đồng.</li> </ul> </li> <li>- Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 4.350.000 đồng.</li> </ul>	
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>30 ngày làm việc</b>		
<b>11.2. Trường hợp nộp hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung</b>					
Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		

Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	13,5		- Trường hợp đủ điều kiện cấp phép: <i>Dự thảo kết quả thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt giấy phép.</i> - Trường hợp phải tiếp tục bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo: <i>Văn bản yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện.</i>
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>18 ngày làm việc</b>		
<p><b>12. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (trình tự thủ tục quy định tại Điều 23 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 (Điều này được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP). Mã thủ tục hành chính 1.004211 (Một phần).</b></p> <p><i>Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 07/04/2026 của UBND tỉnh</i></p>					
<b>12.1. Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	- <b>Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích:</b> + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m <sup>3</sup> /ngày đêm: <b>700.000 đồng.</b>	

	quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)			+ Công trình có quy mô khai thác từ 200 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 1.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 2.150.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 2.950.000 đồng.	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5	- Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 5.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 4.350.000 đồng. - <b>Nộp trực tuyến</b> ( <i>Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định khi cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho đến hết ngày 31/12/2026</i> )	
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	19,5	+ Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 350.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 1.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 1.075.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 1.475.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 5.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 2.175.000 đồng.	- Trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh giấy phép: <i>Dự thảo kết quả thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt giấy phép.</i> - Trường hợp không đủ điều kiện để gia hạn, điều chỉnh giấy phép: <i>Dự thảo văn bản thông báo lý do và trình phê duyệt văn bản.</i> - Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa đề hoàn thiện đề án, báo cáo: <i>Dự thảo văn bản thông báo nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo và trình phê duyệt văn bản.</i> <i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</i>

Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>24 ngày làm việc</b>		

### **12.2. Trường hợp nộp hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung**

Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	13,5		- Trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh giấy phép: <i>Dự thảo kết quả thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt giấy phép.</i>

					- Trường hợp phải tiếp tục bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo: <i>Văn bản yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện.</i>
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>18 ngày làm việc</b>		
<p><b>13. Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP; trình tự thủ tục quy định tại Điều 22 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 (Điều này được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP).</b></p> <p><b>Mã thủ tục hành chính 1.004179 (Một phần).</b></p> <p><i>Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 07/04/2026 của UBND tỉnh</i></p>					
<b>13.1 Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu</b>					
Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	<b>(1) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho:</b> Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 0,5 m <sup>3</sup> /giờ và có dung tích toàn bộ dưới 500.000 m <sup>3</sup> hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 2	

Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5	m <sup>3</sup> /giây; hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc các trường hợp nêu trên có dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m <sup>3</sup> ; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 2 m <sup>3</sup> /giây; các mục đích khác với lưu lượng dưới 10.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm. - <b>Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích:</b> 1.800.000 đồng. - <b>Nộp trực tuyến</b> (Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định khi cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho đến hết ngày 31/12/2026): 900.000 đồng.	
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	25,5	<b>(2) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho:</b> công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch dưới 60 m. Đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước dưới 50m. - <b>Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích:</b> 4.700.000 đồng. - <b>Nộp trực tuyến</b> (Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định khi cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho đến hết ngày 31/12/2026): 2.350.000 đồng.	- Trường hợp đủ điều kiện cấp phép: <i>Dự thảo kết quả thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt giấy phép.</i> - Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép: <i>Dự thảo văn bản thông báo lý do và trình phê duyệt văn bản.</i> - Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo: <i>Dự thảo văn bản thông báo nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo và trình phê duyệt văn bản.</i> <i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo.</i> Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3	<b>(3) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho:</b> Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 0,5 m <sup>3</sup> /giây đến dưới 1 m <sup>3</sup> /giây và có dung tích toàn bộ từ 500.000 m <sup>3</sup> đến dưới 2 triệu m <sup>3</sup> hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi	

<p>Bước 5</p>	<p>Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân</p>	<p>Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC</p>	<p>0,5</p> <p>trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m<sup>3</sup>/giây đến dưới 3 m<sup>3</sup>/giây; hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc các trường hợp nêu trên có dung tích toàn bộ từ 3 triệu m<sup>3</sup> đến dưới 10 triệu m<sup>3</sup>; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m<sup>3</sup>/giây đến dưới 3 m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 1.000 kW; các mục đích khác với lưu lượng từ 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 30.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.</p> <p>- <b>Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 4.700.000 đồng.</b></p> <p>- <b>Nộp trực tuyến</b> (<i>Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định khi cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho đến hết ngày 31/12/2026</i>): 2.350.000 đồng.</p> <p><b>(4) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho:</b> Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 1 m<sup>3</sup>/giây đến dưới 2 m<sup>3</sup>/giây và có dung tích toàn bộ từ 2 triệu m<sup>3</sup> đến dưới 3 triệu m<sup>3</sup> hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 3 m<sup>3</sup>/giây đến dưới 5 m<sup>3</sup>/giây; hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc các trường hợp nêu trên có dung tích toàn bộ từ 10 triệu m<sup>3</sup> đến dưới 20 triệu m<sup>3</sup>; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 3 m<sup>3</sup>/giây đến dưới 5 m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy từ 1.000 kW đến dưới 2.000 kW; các mục đích khác với lưu lượng từ 30.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.</p> <p>- <b>Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 8.000.000 đồng.</b></p>	
-------------------	---	--	--	--

			<p>- <b>Nộp trực tuyến</b> (Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định khi cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho đến hết ngày 31/12/2026): 4.000.000 đồng.</p> <p>(5) <b>Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho:</b> Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch từ 60 m đến dưới 100 m. Đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước từ 50 m đến dưới 100 m.</p> <p>- <b>Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích:</b> 11.000.000 đồng.</p> <p>- <b>Nộp trực tuyến</b> (Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định khi cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho đến hết ngày 31/12/2026): 5.500.000 đồng.</p> <p>(6) <b>Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho:</b> Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m<sup>3</sup>/giây đến dưới 5 m<sup>3</sup>/giây và có dung tích toàn bộ từ 3 triệu m<sup>3</sup> đến dưới 5 triệu m<sup>3</sup> hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 5 m<sup>3</sup>/giây đến dưới 10 m<sup>3</sup>/giây; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác nước từ 5 m<sup>3</sup>/giây đến dưới 10 m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy từ 2.000 kW đến dưới 5.000 kW.</p> <p>- <b>Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích:</b> 11.000.000 đồng.</p>	
--	--	--	--	--

				<p><b>- Nộp trực tuyến</b> (Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định khi cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho đến hết ngày 31/12/2026): 5.500.000 đồng.</p> <p>* Đối với trường hợp quy mô công trình khai thác nước mặt phát sinh theo quy định mới của Nghị định số 23/2026/NĐ-CP, hiện chưa được quy định mức thu phí cụ thể trong Nghị quyết của HĐND tỉnh. Việc thu phí thẩm định được thực hiện theo quy định chuyển tiếp; trường hợp phát sinh hồ sơ trong thời gian chưa kịp ban hành hoặc điều chỉnh Nghị quyết, mức thu cụ thể được xác định và áp dụng theo mức thu tương ứng của nhóm công trình có quy mô, tính chất gần nhất theo Nghị quyết hiện hành của HĐND tỉnh và được ghi nhận trong quyết định giải quyết thủ tục hành chính, cho đến khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung mức thu phí phù hợp.</p>	
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>30 ngày làm việc</b>		
<b>13.2. Trường hợp nộp hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung</b>					
Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		

Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	13,5		- Trường hợp đủ điều kiện cấp phép: <i>Dự thảo kết quả thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt giấy phép.</i> - Trường hợp phải tiếp tục bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo: <i>Văn bản yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện.</i>
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>18 ngày làm việc</b>		
<b>14. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (trình tự thủ tục quy định tại Điều 23 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 (Điều này được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP).</b> <b>Mã thủ tục hành chính 1.004167 (Một phân)</b> <i>Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 07/04/2026 của UBND tỉnh</i>					
<b>14.1. Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu</b>					
Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	<b>(1) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho:</b> Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất	

	công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)			nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 0,5 m <sup>3</sup> /giây và có dung tích toàn bộ dưới 500.000 m <sup>3</sup> hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 2 m <sup>3</sup> /giây; hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc các trường hợp nêu trên có dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m <sup>3</sup> ; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 2 m <sup>3</sup> /giây; các mục đích khác với lưu lượng dưới 10.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm.	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	19,5	<p>- <b>Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích:</b> 900.000 đồng.</p> <p>- <b>Nộp trực tuyến</b> (Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định khi cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho đến hết ngày 31/12/2026): 450.000 đồng.</p> <p><b>(2) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho:</b> công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch dưới 60 m. Đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước dưới 50m.</p> <p>- <b>Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích:</b> 2.350.000 đồng.</p> <p>- <b>Nộp trực tuyến</b> (Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định khi cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho đến hết ngày 31/12/2026): 1.175.000 đồng.</p>	<p>- Trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh giấy phép: <i>Dự thảo kết quả thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt giấy phép.</i></p> <p>- Trường hợp không đủ điều kiện để gia hạn, điều chỉnh giấy phép: <i>Dự thảo văn bản thông báo lý do và trình phê duyệt văn bản.</i></p> <p>- Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa đề hoàn thiện đề án, báo cáo: <i>Dự thảo văn bản thông báo nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo và trình phê duyệt văn bản.</i></p> <p><i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</i></p>

<p>Bước 4</p>	<p>Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC</p>	<p>Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường</p>	<p>3</p>	<p><b>(3) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho:</b> Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 0,5 m<sup>3</sup>/giây đến dưới 1 m<sup>3</sup>/giây và có dung tích toàn bộ từ 500.000 m<sup>3</sup> đến dưới 2 triệu m<sup>3</sup> hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m<sup>3</sup>/giây đến dưới 3 m<sup>3</sup>/giây; hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc các trường hợp nêu trên có dung tích toàn bộ từ 3 triệu m<sup>3</sup> đến dưới 10 triệu m<sup>3</sup>; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m<sup>3</sup>/giây đến dưới 3 m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 1.000 kW; các mục đích khác với lưu lượng từ 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 30.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.</p> <p>- <b>Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích:</b> 2.350.000 đồng.</p> <p>- <b>Nộp trực tuyến</b> (Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định khi cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho đến hết ngày 31/12/2026): 1.175.000 đồng.</p>	
<p>Bước 5</p>	<p>Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân</p>	<p>Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC</p>	<p>0,5</p>	<p><b>(4) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho:</b> Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 1 m<sup>3</sup>/giây đến dưới 2 m<sup>3</sup>/giây và có dung tích toàn bộ từ 2 triệu m<sup>3</sup> đến dưới 3 triệu m<sup>3</sup> hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 3 m<sup>3</sup>/giây đến dưới 5 m<sup>3</sup>/giây; hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc các trường hợp nêu trên có dung tích toàn bộ từ 10 triệu m<sup>3</sup> đến dưới 20 triệu m<sup>3</sup>; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 3 m<sup>3</sup>/giây đến dưới 5 m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy từ 1.000 kW đến</p>	

			<p>dưới 2.000 kW; các mục đích khác với lưu lượng từ 30.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.</p> <p>- <b>Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 4.000.000 đồng.</b></p> <p>- <b>Nộp trực tuyến</b> (<i>Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định khi cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho đến hết ngày 31/12/2026</i>): 2.000.000 đồng.</p> <p><b>(5) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho:</b> Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch từ 60 m đến dưới 100 m. Đối với công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước từ 50 m đến dưới 100 m.</p> <p>- <b>Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 5.500.000 đồng.</b></p> <p>- <b>Nộp trực tuyến</b> (<i>Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định khi cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho đến hết ngày 31/12/2026</i>): 2.750.000 đồng.</p> <p><b>(6) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho:</b> Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m<sup>3</sup>/giờ đến dưới 5 m<sup>3</sup>/giờ và có dung tích toàn bộ từ 3 triệu m<sup>3</sup> đến dưới 5 triệu m<sup>3</sup> hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 5 m<sup>3</sup>/giờ đến dưới 10 m<sup>3</sup>/giờ; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác nước từ 5 m<sup>3</sup>/giờ đến dưới</p>	
--	--	--	--	--

				<p>10 m<sup>3</sup>/giờ; phát điện với công suất lắp máy từ 2.000 kW đến dưới 5.000 kW.</p> <p>- <b>Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 5.500.000 đồng.</b></p> <p>- <b>Nộp trực tuyến</b> (Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định khi cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho đến hết ngày 31/12/2026) 2.750.000 đồng.</p> <p>* Đối với trường hợp quy mô công trình khai thác nước mặt phát sinh theo quy định mới của Nghị định số 23/2026/NĐ-CP, hiện chưa được quy định mức thu phí cụ thể trong Nghị quyết của HĐND tỉnh. Việc thu phí thẩm định được thực hiện theo quy định chuyển tiếp; trường hợp phát sinh hồ sơ trong thời gian chưa kịp ban hành hoặc điều chỉnh Nghị quyết, mức thu cụ thể được xác định và áp dụng theo mức thu tương ứng của nhóm công trình có quy mô, tính chất gần nhất theo Nghị quyết hiện hành của HĐND tỉnh và được ghi nhận trong quyết định giải quyết thủ tục hành chính, cho đến khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung mức thu phí phù hợp.</p>	
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>24 ngày làm việc</b>		
<b>14.2. Trường hợp nộp hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung</b>					
Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		

Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	13,5		- Trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh giấy phép: <i>Dự thảo kết quả thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt giấy phép.</i> - Trường hợp phải tiếp tục bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo: <i>Văn bản yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện.</i>
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>18 ngày làm việc</b>		

**15. Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (trình tự thủ tục quy định tại Điều 24 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 (Điều này được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP).**

**Mã thủ tục hành chính 1.011518 (Toàn trình)**

*Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 07/04/2026 của UBND tỉnh*

**15.1. Trường hợp: hồ sơ nộp lần đầu**

Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	7,5		<p>- Trường hợp đủ điều kiện trả lại giấy phép: Dự thảo kết quả giải quyết TTHC và trình phê duyệt quyết định.</p> <p>- Trường hợp không đủ điều kiện để trả lại giấy phép: Dự thảo văn bản thông báo lý do và trình phê duyệt văn bản.</p> <p>- Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ: Dự thảo văn bản thông báo nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và trình phê duyệt văn bản.</p> <p>Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 6 ngày làm việc.</p>
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>11 ngày làm việc</b>		

<b>15.2 Trường hợp nộp hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung</b>					
Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	3,5		- Trường hợp đủ điều kiện trả lại giấy phép: <i>Dự thảo kết quả giải quyết TTHC và trình phê duyệt quyết định.</i> - Trường hợp phải tiếp tục bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ: <i>Văn bản yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện.</i>
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>06 ngày làm việc</b>		
<b>16. Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (trình tự thủ tục quy định tại Điều 23 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 (Điều này được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP). Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh tương ứng: 1.000824 (Toàn trình) Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 07/04/2026 của UBND tỉnh</b>					
Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	<b>(1) Trường hợp cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất</b> <b>- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích:</b>	

	theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)			+ Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 420.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 1.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 1.290.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 1.770.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 5.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 2.610.000 đồng.	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	7,5	- <b>Nộp trực tuyến</b> ( <i>Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định khi cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho đến hết ngày 31/12/2026</i> ) + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 210.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 1.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 645.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 885.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 5.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 1.305.000 đồng.	- Trường hợp đủ điều kiện cấp lại giấy phép: <i>Dự thảo kết quả thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt giấy phép.</i> - Trường hợp không đủ điều kiện để cấp lại giấy phép: <i>Dự thảo văn bản thông báo lý do và trình phê duyệt văn bản.</i>
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2	<b>(2) Trường hợp cấp lại giấy phép khai thác nước dưới đất</b> <b>- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích:</b>	
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	+ Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 420.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 1.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 1.290.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 1.770.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 5.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 2.610.000 đồng.	

			<p>- <b>Nộp trực tuyến</b> (<i>Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định khi cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho đến hết ngày 31/12/2026</i>)</p> <p>+ Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 210.000 đồng.</p> <p>+ Công trình có quy mô khai thác từ 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 645.000 đồng.</p> <p>+ Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 885.000 đồng.</p> <p>- Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.305.000 đồng.</p> <p><b>(3) Trường hợp cấp lại giấy phép khai thác nước mặt</b></p> <p><b>a) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho:</b> Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 0,5 m<sup>3</sup>/giây và có dung tích toàn bộ dưới 500.000 m<sup>3</sup> hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 2 m<sup>3</sup>/giây; hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc các trường hợp nêu trên có dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m<sup>3</sup>; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 2 m<sup>3</sup>/giây; các mục đích khác với lưu lượng dưới 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.</p> <p>- <b>Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích:</b> 540.000 đồng.</p> <p>- <b>Nộp trực tuyến</b> (<i>Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định khi cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho đến hết ngày 31/12/2026</i>) 270.000 đồng.</p> <p><b>b) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho:</b> công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công</p>	
--	--	--	---	--

			<p>trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch dưới 60 m. Đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước dưới 50m.</p> <p>- <b>Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích:</b> 1.410.000 đồng.</p> <p>- <b>Nộp trực tuyến</b> (<i>Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định khi cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho đến hết ngày 31/12/2026</i>) 705.000 đồng.</p> <p><b>(3) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho:</b> Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 0,5 m<sup>3</sup>/giây đến dưới 1 m<sup>3</sup>/giây và có dung tích toàn bộ từ 500.000 m<sup>3</sup> đến dưới 2 triệu m<sup>3</sup> hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m<sup>3</sup>/giây đến dưới 3 m<sup>3</sup>/giây; hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc các trường hợp nêu trên có dung tích toàn bộ từ 3 triệu m<sup>3</sup> đến dưới 10 triệu m<sup>3</sup>; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m<sup>3</sup>/giây đến dưới 3 m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 1.000 kW; các mục đích khác với lưu lượng từ 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 30.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.</p> <p>- <b>Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích:</b> 1.410.000 đồng.</p> <p>- <b>Nộp trực tuyến</b> (<i>Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định khi cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho đến hết ngày 31/12/2026</i>) 705.000 đồng.</p> <p><b>(4) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho:</b> Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 1 m<sup>3</sup>/giây đến dưới 2 m<sup>3</sup>/giây và có dung tích toàn bộ từ 2 triệu m<sup>3</sup> đến dưới 3 triệu m<sup>3</sup> hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai</p>	
--	--	--	---	--

			<p>thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 3 m<sup>3</sup>/giây đến dưới 5 m<sup>3</sup>/giây; hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc các trường hợp nêu trên có dung tích toàn bộ từ 10 triệu m<sup>3</sup> đến dưới 20 triệu m<sup>3</sup>; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 3 m<sup>3</sup>/giây đến dưới 5 m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy từ 1.000 kW đến dưới 2.000 kW; các mục đích khác với lưu lượng từ 30.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.</p> <p>- <b>Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích:</b> 2.400.000 đồng.</p> <p>- <b>Nộp trực tuyến</b> (<i>Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định khi cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho đến hết ngày 31/12/2026</i>) 1.200.000 đồng.</p> <p><b>(5) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho:</b> Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch từ 60 m đến dưới 100 m. Đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước từ 50 m đến dưới 100 m.</p> <p>- <b>Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích:</b> 3.300.000 đồng.</p> <p>- <b>Nộp trực tuyến</b> (<i>Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định khi cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho đến hết ngày 31/12/2026</i>) 1.650.000 đồng.</p> <p><b>(6) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho:</b> Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m<sup>3</sup>/giây đến dưới 5 m<sup>3</sup>/giây và có dung tích toàn bộ từ 3 triệu m<sup>3</sup> đến dưới 5 triệu m<sup>3</sup> hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có</p>	
--	--	--	---	--

			<p>quy mô khai thác từ 5 m<sup>3</sup>/giây đến dưới 10 m<sup>3</sup>/giây; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác nước từ 5 m<sup>3</sup>/giây đến dưới 10 m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy từ 2.000 kW đến dưới 5.000 kW.</p> <p><b>- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 3.300.000 đồng.</b></p> <p><b>- Nộp trực tuyến</b> (Áp dụng giảm 50% mức thu phí thẩm định khi cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho đến hết ngày 31/12/2026) 1.650.000 đồng.</p> <p><i>* Đối với trường hợp quy mô công trình khai thác nước mặt phát sinh theo quy định mới của Nghị định số 23/2026/NĐ-CP, hiện chưa được quy định mức thu phí cụ thể trong Nghị quyết của HĐND tỉnh. Việc thu phí thẩm định được thực hiện theo quy định chuyển tiếp; trường hợp phát sinh hồ sơ trong thời gian chưa kịp ban hành hoặc điều chỉnh Nghị quyết, mức thu cụ thể được xác định và áp dụng theo mức thu tương ứng của nhóm công trình có quy mô, tính chất gần nhất theo Nghị quyết hiện hành của HĐND tỉnh và được ghi nhận trong quyết định giải quyết thủ tục hành chính, cho đến khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung mức thu phí phù hợp.</i></p>	
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>11 ngày làm việc</b>	
<p><b>17. Đăng ký khai thác nước mặt, nước biển, đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch (trình tự thủ tục quy định tại Điều 26 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 23/2026/NĐ-CP).</b></p> <p><b>Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 2.002835 (Một phần)</b></p> <p><i>Thủ tục này thay thế thủ tục: Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch. Mã (1.012502) đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 07/04/2026 của UBND tỉnh.</i></p>				
<p><b>17.1. Trường hợp công trình khai thác nước không phải là hồ chứa, đập dâng</b></p>				

<b>* Trường hợp nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</b>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	4,25		
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>07 ngày làm việc</b>		
<b>* Trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa UBND cấp xã</b>					

Bước 1	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Bộ phận Một cửa cấp xã	0,5		
Bước 2	Luân chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn để thẩm định	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	4,25		
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>07 ngày làm việc</b>		

**17.2. Trường hợp công trình khai thác nước là hồ chứa, đập dâng thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trong vòng 20 ngày làm việc**

**\* Trường hợp nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh**

Bước 1	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b> (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	15,5		
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>20 ngày làm việc</b>		
<b>* Trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa UBND cấp xã</b>					

Bước 1	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã	0,5		
Bước 2	Luân chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn để thẩm định	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	15,5		
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 5	Phát hành kết quả giải quyết TTHC Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường Phòng Khoáng sản và Thủy lợi Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
<b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b>			<b>20 ngày làm việc</b>		

#### **X. Lĩnh vực Kiểm lâm, lâm nghiệp**

**1. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học. Mã TTHC: 1.014630 (Một phần)**

Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không thu phí	
Bước 2	Dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Phòng chuyên môn thuộc Chi cục Kiểm lâm	2 ngày làm việc		
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm xem xét, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	1 ngày làm việc		
Bước 4	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Tổ chức thẩm định và kiểm tra thực tế báo cáo kết quả thẩm định đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hội đồng thẩm định	17 ngày làm việc		
Bước 6	Trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét	Hội đồng thẩm định	2 ngày làm việc		
Bước 7	Quyết định cấp giấy chứng nhận	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3 ngày làm việc		
Bước 8	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
<b>Thời hạn giải quyết</b>			27 ngày làm việc		
<b>2. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học. Mã TTHC: 1.008682 (toàn trình)</b>					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 2	Dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Phòng chuyên môn của Chi cục Kiểm lâm	2 ngày làm việc		
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm xem xét, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	1 ngày làm việc		

Bước 4	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc	Không thu phí	
Bước 5	Tổ chức thẩm định và kiểm tra thực tế, báo cáo kết quả thẩm định đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hội đồng thẩm định	17 ngày làm việc		
Bước 6	Trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét	Hội đồng thẩm định	2 ngày làm việc		
Bước 7	Quyết định cấp giấy chứng nhận	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3 ngày làm việc		
Bước 8	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng thời gian giải quyết</b>			<b>27 ngày làm việc</b>		
<b>3. Cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen, Mã TTHC: 1.004150 (Một phần)</b>					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không thu phí	
Bước 2	Dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Phòng chuyên môn của Chi cục Kiểm lâm	2 ngày làm việc		
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm xem xét, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	1 ngày làm việc		
Bước 4	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Tổ chức thẩm định và kiểm tra thực tế, báo cáo kết quả thẩm định đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hội đồng thẩm định	9 ngày làm việc		
Bước 6	Trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét	Hội đồng thẩm định	2 ngày làm việc		

Bước 7	Quyết định cấp giấy phép	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2 ngày làm việc		
Bước 8	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng thời gian giải quyết</b>			<b>18 ngày làm việc</b>		
<b>4. Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen, Mã TTHC: 1.004096 (Một phần)</b>					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không thu phí	
Bước 2	Thẩm định hồ sơ, trình Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Phòng Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc Chi cục Kiểm lâm	6 ngày làm việc		
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định.	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	1 ngày làm việc		
Bước 4	Quyết định gia hạn giấy phép	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng thời gian giải quyết</b>			<b>10 ngày làm việc</b>		
<b>5. Đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại, Mã TTHC: 1.004117 (Một phần)</b>					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		

Bước 2	Thẩm định hồ sơ, trình Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Phòng Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc Chi cục Kiểm lâm	3 ngày làm việc	Không thu phí	
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định.	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	1 ngày làm việc		
Bước 4	Quyết định cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng thời gian giải quyết</b>			<b>07 ngày làm việc</b>		

#### **6. Cấp lại Giấy phép tiếp cận nguồn gen, Mã TTHC: 1.014833 (Một phần)**

<b>Các bước</b>	<b>TRÌNH TỰ THỰC HIỆN</b>	<b>ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC</b>	<b>THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC</b>	<b>Phí, lệ phí (vnd)</b>	<b>Ghi chú</b>
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không thu phí	
Bước 2	Thẩm định hồ sơ, trình Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Phòng Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc Chi cục Kiểm lâm	1 ngày làm việc		
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định.	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0.5 ngày làm việc		
Bước 4	Quyết định cấp lại giấy phép	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		

Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
<b>Tổng thời gian giải quyết</b>			<b>03 ngày làm việc</b>		
<b>7. Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý (Mã TTHC: 1.012690)</b>					
Các bước	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc	Không thu phí	
Bước 2	Kiểm tra xác minh tổng hợp trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt.	Chi cục Kiểm lâm	10 ngày làm việc		
Bước 3	Ban hành Quyết định: Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do Chi cục Kiểm lâm trình, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, phê duyệt. Trường hợp không phê duyệt thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	04 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển bộ phận tiếp nhận hồ sơ để thông báo cho chủ rừng	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng thời gian giải quyết</b>			<b>15 ngày</b>		
<b>8. Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Mã TTHC: 1.014839 (Một phần)</b>					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc		
	Kiểm tra hồ sơ và hiện trạng rừng tại thực địa: Tổ chức điều tra, đánh giá, kiểm tra, xác nhận báo cáo hiện trạng rừng, bản đồ hiện trạng rừng và ranh giới khu rừng;				

Bước 2	kiểm tra nội dung giao rừng, cho thuê rừng; lập tờ trình kèm theo hồ sơ, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Chi cục Kiểm lâm	10 ngày làm việc		
Bước 3	Ban hành Quyết định: Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do Chi cục Kiểm lâm trình, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét,	Sở Nông nghiệp và Môi trường	04 ngày làm việc		
Bước 4	Bàn giao rừng: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định giao rừng, cho thuê rừng, Sở Nông nghiệp và Môi trường bàn giao rừng cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	05 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển bộ phận tiếp nhận hồ sơ để thông báo cho chủ rừng	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng thời gian giải quyết</b>			<b>20 ngày</b>		
<b>9. Chuyển loại rừng đối với khu rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Mã TTHC: 1.014838 (Một phần)</b>					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc		
Bước 2	Thẩm định: Tổ chức lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của cơ quan, tổ chức có liên quan; hoàn thành báo cáo thẩm định phương án chuyển loại rừng, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; trường hợp thẩm định không đạt, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thông báo cho chủ rừng bằng văn bản và nêu rõ lý do	Chi cục Kiểm lâm	15 ngày làm việc		

Bước 3	Ban hành quyết định: Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét quyết định chuyển loại rừng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển bộ phận tiếp nhận hồ sơ để thông báo cho chủ rừng	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc		
<b>Tổng thời gian giải quyết</b>			<b>18 ngày làm việc</b>		